

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/DS-ST

Ngày: 31/3/2026.

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thanh.

Ông Đinh Văn Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: Ở đường D, khu đô thị E, phường P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Thanh T, sinh năm 2001 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, khóm T, phường K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2/ Ông Lưu Liêu S, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số G T, khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2025, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Thanh T trình bày: Từ năm 2016 ông Trần Đại H có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản và các loại thuốc thủy sản cho

bà Trần Thị Hồng N để bà N nuôi tôm. Theo thỏa thuận, ông Trần Đại H bán cho bà Trần Thị Hồng N các sản phẩm là thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1 và một số nhãn hiệu khác, thuốc và hóa chất dùng cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Ông Trần Đại H giao hàng cho bà Trần Thị Hồng N tại kho hàng của H2 kinh doanh Tân Quang M theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm ao nuôi của bà N nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên mua phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên Hộ kinh doanh T1. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho bên mua đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên ông Trần Đại H không chịu trách nhiệm nữa. Thỏa thuận về thời hạn thanh toán là cuối mỗi vụ thu hoạch tôm thì bà N phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông H.

Sau khi nhận hàng bà Trần Thị Hồng N cũng không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên ông Trần Đại H.

Trong thời gian thực hiện giao dịch, bà N không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu, sau khi thu hoạch tôm bà N không thanh toán dứt điểm công nợ cho ông H. Đến ngày 03/12/2024, căn cứ vào sổ theo dõi mua bán hàng hóa và bản đối chiếu công nợ bà N vẫn còn nợ của ông H số tiền là 329.533.000 đồng. Đến ngày 07/8/2025, bà N có trả được số tiền là 500.000 đồng, còn nợ lại 329.033.000 đồng. Đến ngày 11/9/2025 bà N trả thêm số tiền là 500.000 đồng, còn nợ lại 328.533.000 đồng. Vì bà N mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông H nhằm mục đích tạo nguồn thu nhập chăm lo kinh tế chung của gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S. Do đó, ông H đã nhiều lần gọi điện và gặp trực tiếp yêu cầu vợ chồng bà N, ông S thanh toán nợ. Nhưng vợ chồng bà N, ông S vẫn không thanh toán nợ cho ông H, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 328.533.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với bị đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S:* Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà N và ông S không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà N và ông S vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Nguyên đơn ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S liên đới thanh toán số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông H là 328.533.000 đồng. Nguyên đơn ông Trần Đại H cung cấp chứng cứ gồm sổ theo dõi mua bán hàng hóa và bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 11/9/2025 do bà N ký xác nhận tổng công nợ là 328.533.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trần Đại H đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi thủy sản cho bên mua là bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S. Bà N và ông S đã nhận đủ thức ăn chăn nuôi thủy sản do ông H chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng bà N và ông S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông H theo thỏa thuận. Kể từ ngày ký xác nhận tổng công nợ vào ngày 11/9/2025 đến nay, bà N và ông S còn nợ của ông H tổng số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 328.533.000 đồng chưa thanh toán. Do bà N và ông S không thanh toán nợ đúng hạn theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S liên đới trả số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông H 328.533.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Trần Đại H không yêu cầu các bị đơn bà N và ông S trả tiền lãi suất chậm thanh toán nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H về việc yêu cầu các bị đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S liên đới nghĩa vụ trả số tiền 328.533.000 đồng.

[2] Buộc bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đại H tổng số tiền 328.533.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S chậm trả số tiền nêu trên cho ông Trần Đại H, thì bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trần Đại H, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Hồng N và ông Lưu Liêu S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.426.650 đồng. Nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

- Ông Trần Đại H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.349.000 đồng theo biên lai thu số 0012379 ngày 16/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND.TP Cần Thơ;
- Phòng T.H.A khu vực 8 – Cần Thơ,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Ái Mỹ